NHỮNG KIẾN THỨC ĐÃ HỌC ĐƯỢC

Bài tập 7.1 - Document Flow

* Học về các thành phần inline và block-level trong HTML.
* Sử dụng thuộc tính display để thay đổi kiểu hiển thị của các thành phần.

Bài tập 7.2 - Relative Positioning

* Khái niệm về định vị tương đối (position: relative).
* Vị trí của phần tử được định vị tương đối vẫn giữ nguyên khoảng trống trong bố cục trang.

Bài tập 7.3 - Absolute Positioning

* Khái niệm về định vị tuyệt đối (position: absolute).
* Phần tử được định vị tuyệt đối sẽ được tách khỏi dòng chảy tài liệu và không chiếm chỗ trong bố cục.

Bài tập 7.4 - Stacking Using Z-Index

* Thuộc tính z-index dùng để xác định thứ tự hiển thị của các phần tử chồng chéo lên nhau.
* Giá trị z-index cao hơn sẽ được hiển thị phía trên.

Bài tập 7.5, 7.6, 7.7 - Floating in a Container

* Floating Element được dịch chuyển sang trái hoặc phải bên trong vùng chứa của nó.
* Các phần tử nổi cạnh nhau sẽ xếp khít vào nhau.
* Nội dung khác sẽ bao quanh các phần tử nổi.

Bài tập 7.8 - Clearing

* Thuộc tính clear dùng để ngăn các phần tử nổi khác xếp chồng lên chính nó.
* Có thể áp dụng clear cho các phần tử khác ngoài phần tử nổi.

Bài tập 7.9 - Using Positioning

* Sử dụng position: absolute để định vị phần tử tương đối với phần tử được định vị gần nhất chứa nó (nearest positioned ancestor).
* Cần thiết lập position: relative cho phần tử cha để tạo ngữ cảnh định vị cho phần tử con được định vị tuyệt đối.

Bài tập 7.10, 7.11

* Sử dụng position: absolute để định vị các phần tử.
* Cần thiết thiết lập phần tử cha với position: relative để tạo ngữ cảnh định vị cho các phần tử con được định vị tuyệt đối.

Bài tập 7.12 - Media Queries

* Media queries cho phép áp dụng các stylesheet khác nhau cho các kích thước màn hình khác nhau.
* Sử dụng các thuộc tính min-width và max-width để xác định kích thước màn hình.

Bài tập 7.13 - Thiết lập Viewport

* Sử dụng meta viewport để điều chỉnh kích thước viewport theo thiết bị.
* Có thể sử dụng kết hợp các thành phần khác nhau cho các kích thước màn hình khác nhau (ví dụ: display: none để ẩn/hiện).

Bài tập 7.14 - Transforms

* Thuộc tính transform dùng để biến đổi hình dạng, xoay, dịch chuyển các phần tử.
* Các biến đổi có thể kết hợp với nhau (ví dụ: rotate và translate).

Bài tập 7.15, 7.16 - Transitions

* Thuộc tính transition tạo hiệu ứng chuyển đổi mượt giữa các trạng thái của một phần tử.
* Thời gian chuyển đổi (transition-duration) và hàm thời gian (transition-timing-function) có thể điều chỉnh hiệu ứng chuyển đổi.

Bài tập 7.17 - Filters

* Cần thêm tiền tố -webkit cho một số bộ lọc để tương thích với trình duyệt Chrome.
* Có thể kết hợp nhiều bộ lọc khác nhau trong cùng một thuộc tính filter.

Bài tập 7.18 - Animations

* Thuộc tính animation tạo hiệu ứng chuyển động cho phần tử.
* Cần định nghĩa các trạng thái bắt đầu và kết thúc của hoạt ảnh using @keyframes.
* Các thuộc tính khác của animation bao gồm:
  + animation-duration: thời gian diễn ra hoạt ảnh.
  + animation-iteration-count: số lần lặp lại của hoạt ảnh.
  + animation-delay: thời gian trì hoãn trước khi bắt đầu hoạt ảnh.
* Có thể sử dụng shortcut property để kết hợp các thuộc tính của hoạt ảnh thành một dòng.

Bài tập 7.19 - Sử dụng Bootstrap

* Bootstrap sử dụng hệ thống lưới (grid) với 12 cột để bố cục trang web.
* Các class của Bootstrap giúp định dạng nhanh chóng các thành phần như panel, list group, button, ...
* Media queries được sử dụng trong Bootstrap để điều chỉnh bố cục cho các kích thước màn hình khác nhau.